

Tổng hợp kiến thức bài 4 Nhật 2 : チン バオ カン 様

1. A から Bまで Phương tiện + “で” + どのくらいですか。

Từ A đến B đi bằng gì hết bao lâu ?

-> Phương tiện + “で” lượng thời gian + (くらい / ぐらい : khoảng) + です。

ví dụ : ハノイ市 から パリ市まで ひこうきで どのくらいですか。

6じかんくらいです。

2. Phân biệt どう và どんな :

どう có thể đi trực tiếp với ですか để tạo thành câu hỏi

どんな phải cộng với N để trở nên có nghĩa (bắt buộc sau どんな phải là 1 danh từ)

3. Hỏi về hướng :

A は B の どこ ですか。

-> A ở đâu của B

ví dụ : ハノイ市 は ベトナムのどこ ですか。

ベトナムのきたです。

4. Tính từ đuôi い và đuôi な :

(?) S は どうですか。 → S như thế nào?

(+) [S は] A いです。
A なんです。

(-) [S は] A いくないです。
A なじゃありません。

A い N
A な + な

※ Khi Tính từ bổ nghĩa cho Danh từ thì cả cụm đó sẽ trở thành một cụm Danh từ, có thể sử dụng linh hoạt ở nhiều vị trí trong câu.

5. Nối 2 câu - 2 mệnh đề :

Mệnh đề 1 và Mệnh đề 2 :

Mệnh đề 1 。そして、Mệnh đề 2。

Ví dụ : このパン は やすいです。そして、おいしいです。

Mệnh đề 1 nhưng Mệnh đề 2 :

Mệnh đề 1 が、Mệnh đề 2.

Ví dụ : かんじ は むずかしいですが、おもしろいです。

6. Phó từ :

Khẳng định : すこし & とても

Phủ định : あまり - ぜんぜん

Giảm dần : ぜんぜん — とても — あまり — すこし

7. Ở đâu có cái gì :

Địa điểm + に + N + が + あります。

ハノイ市 に おおきい きょうかい が あります。